TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56**/2018/HS-ST
Ngày 17/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Vượng
2. Ông Ma Quốc Thể

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Hữu San - Thư ký Toà án nhân dân huyện S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà: ông Phạm Tất Lợi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 17/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2018/TLST- HS, ngày 03 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trung D, giới tính: Nam; sinh ngày 25/5/1990 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn T, xã X, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1968; con bà Đặng Thị T2 (đã chết); anh, chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; con: Có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại bản án số 41/2014/HSST ngày 29/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Trung D 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thử thách 12 tháng, phạt tiền 3.000.000 đồng về tội Đánh bạc (tổng số tiền đánh bạc là 3.662.000đ). Nguyễn Trung D chấp hành xong hình phạt chính ngày 29/4/2015, chấp hành xong phần dân sự ngày 23/11/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/7/2018 đến ngày 06/7/2018 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại *(có mặt).*

2. Bùi Văn K, giới tính: Nam; sinh ngày 05/5/1980 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn T, xã X, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Bùi Bằng D1 (đã chết), con bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1952; anh, chị em

ruột: có 10 người, bị cáo là con thứ 5; vợ: Vũ Thị M, sinh năm 1982; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Tại bản án số 41/2014/HSST ngày 29/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Bùi Văn K 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc (tổng số tiền đánh bạc là 3.662.000đ). Bùi Văn K đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 29/4/2015.

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 96/QĐ - XPHC, ngày 27/4/2016 của Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Bùi Văn K số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Bùi Văn K đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính ngày 28/4/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/7/2018 đến ngày 06/7/2018 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại *(có mặt).*

3. Lê Hồng P, giới tính: Nam; sinh ngày 04/10/1989 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn T, xã X, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Lê Hồng T3 (đã chết), con bà Phạm Thị T4, sinh năm 1960; anh, chị em ruột: có 05 người, bị cáo là con thứ 5; vợ: Đỗ Thị H1, sinh năm 1989; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/7/2018 đến ngày 06/7/2018 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại *(có mặt).*

4. Nguyễn Thanh H (tên gọi khác: Nguyễn Văn H), giới tính: Nam; sinh ngày 26/02/1973 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn T, xã X, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn F, sinh năm 1935, con bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1935; anh, chị em ruột: có 10 người, bị cáo là con thứ 10; vợ: Hà Thị S1, sinh năm 1980; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 154/QĐ - XPHC, ngày 11/4/2013 bị Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 7.200.000đ về hành vi đánh bạc, Nguyễn Thanh H đã chấp hành xong ngày 16/4/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/7/2018 đến ngày 06/7/2018 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại *(có mặt).*

5. Nguyễn Ngọc Đ, giới tính: Nam; sinh ngày 10/02/1989 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: thôn T, xã X, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Xuân Kh, sinh năm 1966, con bà Chu Thị Ph, sinh năm 1967; anh, chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ 02; vợ: Lương Thị Ngh,

sinh năm 1993; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/7/2018 đến ngày 06/7/2018 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại *(có mặt).*

6. Nguyễn Ngọc E, giới tính: Nam; sinh ngày 28/02/1986 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn T, xã X, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1962, con bà Lê Thị N, sinh năm 1963; anh, chị em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; vợ: Nguyễn Thị W, sinh năm 1986; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/7/2018 đến ngày 06/7/2018 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay đang tại ngoại *(có mặt).*

**** Người bào chữa cho các bị cáo Lê Hồng P, Nguyễn Ngọc E, Bùi Văn K:*** Ông Nguyễn Văn J và bà Nguyễn Thị V - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang *(bà V có mặt, ông J vắng mặt).*

**** Người làm chứng:*** ông Nguyễn Ngọc T1; trú tại: thôn T, xã X, huyện S, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 03/7/2018, Lê Hồng P nhờ Nguyễn Trung D, Bùi Văn K, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc E đến sửa nhà giúp. Khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm, uống rượu xong, D rủ đánh bạc thì tất cả mọi người đồng ý. Thấy vậy, D đi chuẩn bị bát, đĩa, quân đóm để làm dụng cụ, sau đó tất cả cùng ngồi xuống chiếu nhựa đã dải sẵn từ khi ăn cơm để cùng đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa đặt cửa chẵn – lẻ. Mức sát phạt từ 20.000 đồng trở lên, D là người xóc cái. Quá trình đánh bạc không có ai canh gác, thu tiền hồ, không có ai cho vay mượn, cầm cố tài sản gì.

Các bị cáo tham gia đánh bạc đến 00 giờ 20 phút ngày 04/7/2018 thì bị Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện S phát hiện và bắt giữ cùng toàn bộ tang vật gồm: 01 bát sứ màu trắng có hoa văn màu nâu; 01 đĩa sứ màu trắng, viền vàng có hoa văn màu đỏ; 04 quân đóm một màu trắng, một mặt đen có kích thước (01 x 1,5)cm; 01 chiếu nhựa cũ đã qua sử dụng và số tiền 7.600.000 đồng *(Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)* trên chiếu bạc. Ngoài ra, Nguyễn Ngọc Đ tự nguyện giao nộp số tiền 1.000.000 đồng*;* Nguyễn Văn H tự nguyện giao nộp số tiền 3.120.000 đồng; Bùi Văn K tự nguyện giao nộp 200.000 đồng; Nguyễn Trung D tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000 đồng. Tổng số tiền các đối tượng

giao nộp là: 6.320.000 đồng *(sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng)*. Số tiền các đối tượng giao nộp đều sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc thu giữ tại chiếu bạc và do các bị cáo giao nộp là 13.920.000đ *(mười ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)*.

Trên cơ sở kết luận điều tra, ngày 01/8/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện S ban hành cáo trạng số 47/CT- VKSSD truy tố đối với Nguyễn Trung D, Bùi Văn K, Lê Hồng P, Nguyễn Thanh H (Nguyễn Văn H), Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc E về tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần xét hỏi công khai, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu lời luận tội, giữ nguyên nội dung cáo trạng, truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Trung D, Bùi Văn K, Lê Hồng P, Nguyễn Thanh H (Nguyễn Văn H), Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc E phạm tội "*Đánh bạc*".

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn K từ 6 đến 9 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trung D từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H (Nguyễn Văn H) từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hồng P từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc E mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết việc xử lý vật chứng, khoản tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Trợ giúp viên bào chữa cho các bị cáo Lê Hồng P, Nguyễn Ngọc E, Bùi Văn K: Nhất trí với tội danh và điều luật mà đại diện Viện Kiểm sát đã đề nghị. Tuy nhiên do các bị cáo Nguyễn Ngọc E, Lê Hồng P, Bùi Văn K đều là những người có trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế, là hộ nghèo, cận nghèo. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2, điều 51 BLHS, đề nghị HĐXX áp dụng cho cả 03 bị cáo. Đối với bị cáo Bùi Văn K tuy bị cáo đã từng bị Tòa án án xét xử về tội đánh bạc và bị Cơ quan Công an xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng bị cáo đã chấp hành xong và được xóa án tích nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, khoản 1, điều 51 BLHS. Do các bị cáo phạm tội lần đầu, số tiền sử dụng đánh bạc không đáng kể, thành khẩn khai báo, nhận thức còn hạn chế nên đề nghị HĐXX xét xử các bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để răn đe đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trung D và các đồng phạm đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài lời khai nhận tội, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày 03/7/2018 đến 00 giờ 20 phút ngày 04/7/2018, tại nhà ở của bị cáo Lê Hồng P thuộc thôn T, xã X, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, các bị cáo Nguyễn Trung D, Bùi Văn K, Nguyễn Thanh H, Lê Hồng P, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc E đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, với mức sát phạt từ 20.000đ/ván trở lên. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 13.920.000đ *(mười ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).* Trong đó bị cáo Nguyễn Trung D sử dụng số tiền đánh bạc là 3.000.000đ, bị cáo Bùi Văn K sử dụng 200.000đ, bị cáo Nguyễn Thanh H sử dụng 4.000.000đ, bị cáo Lê Hồng P sử dụng 5.300.000đ, bị cáo Nguyễn Ngọc Đ sử dụng 1.000.000đ, bị cáo Nguyễn Ngọc E sử dụng 420.000đ. Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "*Đánh bạc",* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét tính chất, vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, HĐXX nhận định: Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, động cơ, mục đích sát phạt nhau để thu lời bất chính. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc được xác định là 13.920.000đ, vì vậy các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nêu trên. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Trung D là người thực hiện hành vi tích cực nhất, bị cáo là người rủ rê khởi xướng và trực tiếp chuẩn bị công cụ đánh bạc, khi không ai nhận cầm cái, bị cáo đã trực tiếp xóc cái cho đồng phạm tham gia. Bị cáo Lê Hồng P và bị cáo Nguyễn Thanh H là những người sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất. Các bị cáo Nguyễn Ngọc Đ,

Nguyễn Ngọc E, Bùi Văn K đều chỉ tham gia đánh bạc và có sử dụng số tiền đánh bạc thấp hơn các bị cáo khác.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, HĐXX nhận định: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào. Các bị cáo Nguyễn Trung D, Bùi Văn K đều đã từng bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt về tội đánh bạc năm 2014; bị cáo Bùi Văn K bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc năm 2016; bị cáo Nguyễn Thanh H bị Công an huyện Y xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc vào năm 2013. Tuy nhiên các bị cáo đều đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải; đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, đoạn 1, đoạn 2, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho cả 06 bị cáo. Riêng bị cáo Nguyễn Trung D có bố đẻ là thương binh hạng 2/4; bị cáo Nguyễn Thanh H có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng nhất, HĐXX nhận định đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo Nguyễn Trung D và bị cáo Nguyễn Thanh H.

[5] Về hướng xử lý: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự, an toàn công cộng tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống kinh tế, xã hội và là một trong những nguyên nhân có thể dẫn đến các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đặc biệt là vai trò, mức độ thực hiện hành vi, HĐXX thấy rằng cần xét xử các bị cáo Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc E hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp. Đối với các bị cáo Nguyễn Trung D, Lê Hồng P, Nguyễn Thanh H, Bùi Văn K cần thiết phải xét xử hình phạt tù mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, trong đó cần xét xử bị cáo Diệp mức án cao hơn so với các bị cáo khác. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo Bùi Văn K, Nguyễn Ngọc E thuộc diện hộ nghèo, bị cáo Lê Hồng P thuộc diện hộ cận nghèo. Bị cáo Nguyễn Trung D, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Ngọc Đ không có nghề nghiệp ổn định, tài sản riêng giá trị không đáng kể. Do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc Đ và Nguyễn Ngọc E.

[7] Về vật chứng: cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau: Đối với số tiền cơ quan điều tra đã thu giữ là

13.920.000đ, trong đó có 7.600.000đ trên chiếu bạc và 6.320.000đ tiền các bị cáo tự nguyện giao nộp khi bị bắt quả tang. Đây là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc trái phép nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 chiếu nhựa, 04 quân đóm, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ là các công cụ, phương tiện sử dụng vào việc đánh bạc, ví giả da màu đen tạm giữ của Nguyễn Thanh H, bị cáo H không nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 ví giả da màu nâu tạm giữ của Nguyễn Trung D, bị cáo Diệp xin được nhận lại nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Xét đề nghị của người bào chữa, HĐXX nhận định: đối với đề nghị áp dụng khoản 2, điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo Lê Hồng P, Nguyễn Ngọc E, Bùi Văn K vì lý do các bị cáo có trình độ văn hóa thấp, am hiểu pháp luật còn hạn chế và là hộ nghèo, cận nghèo, HĐXX nhận định các bị cáo Tiệp, Dũng, Khởi đều có trình độ học vấn lớp 7 và lớp 9/12, sinh sống tại xã giáp danh thị trấn S, các chế độ chính sách về hộ nghèo đã được nhà nước hỗ trợ theo quy định, vì vậy không có cơ sở để xem xét áp dụng cho các bị cáo. Đối với đề nghị áp dụng cho bị cáo Bùi Văn K tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, HĐXX nhận định: mặc dù bị cáo Khởi bị Tòa án xử phạt 3 tháng tù về tội đánh bạc vào năm 2014, tuy nhiên tính đến ngày thực hiện hành vi, bị cáo đã chấp hành xong và được xóa án tích. Bản án số 41/2014/HSST ngày 29/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện S xử phạt bị cáo Bùi Văn K về tội Đánh bạc, tổng số tiền đánh bạc theo bản án này là 3.662.000đ. Đối chiếu Bộ luật hình sự hiện hành thì số tiền đánh bạc nêu trên cũng chưa đủ định lượng cấu thành tội phạm, trường hợp bị cáo chưa chấp hành bản án này cũng sẽ được miễn trách nhiệm hình sự theo hướng có lợi cho bị cáo. Căn cứ điểm d, khoản 2, điều 2, Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, lần phạm tội này của bị cáo Bùi Văn K vẫn được xác định là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy đề nghị của người bào chữa có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Về tội danh:** Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trung D, Bùi Văn K, Lê Hồng P, Nguyễn Thanh H (tên gọi khác: Nguyễn Văn H), Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc E phạm tội *"Đánh bạc"*.

*** Về hình phạt:**

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm i, điểm s (đoạn 1, đoạn 2) khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Trung D, Nguyễn Thanh H (Nguyễn Văn H);

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm i, điểm s (đoạn 1, đoạn 2) khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Hồng P, Bùi Văn K;

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm i, điểm s (đoạn 1, đoạn 2) khoản 1, Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc E:

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung D 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 20 (hai mươi) tháng.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H (Nguyễn Văn H) 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 18 (mười tám) tháng.

3. Xử phạt bị cáo Lê Hồng P 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 18 (mười tám) tháng.

4. Xử phạt bị cáo Bùi Văn K 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 14 (mười bốn) tháng.

Thời hạn thử thách của các bị cáo Nguyễn Trung D, Nguyễn Thanh H (Nguyễn Văn H), Lê Hồng P, Bùi Văn K tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/9/2018).

Giao các bị cáo Nguyễn Trung D, Lê Hồng P, Nguyễn Thanh H (Nguyễn Văn H), Bùi Văn K cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi số ngày bị tạm giữ là 03 (ba) ngày quy đổi bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 21 (hai mốt) ngày cải tạo không giam giữ.

6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc E 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, trừ đi số ngày bị tạm giữ là 03 (ba) ngày quy đổi bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 21 (hai mốt) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc E tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã X, huyện S được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

*** Về vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.920.000đ *(Mười ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng)*

(*Số tiền trên đã được Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện S chuyển vào tài khoản số 3949.0.1064844.00000 là tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S ngày 09/8/2018).*

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếu nhựa cũ đã qua sử dụng; 04 quân đóm mỗi quân có một mặt màu đen, một mặt màu trắng, kích thước 1 x 1,5cm; 01 bát sứ màu trắng có hoa văn màu nâu; 01 đĩa sứ màu trắng viền vàng có hoa văn màu đỏ; 01 ví giả da màu đen;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung D 01 ví (một) giả da màu nâu.

(*Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/8/2018 giữa Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S*).

*** Về án phí:** căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên: Các bị cáo Nguyễn Trung D, Bùi Văn K, Lê Hồng P, Nguyễn Thanh H (Nguyễn Văn H), Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Ngọc E, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ*(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/9/2018)./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã X;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Toàn